

Số: /QĐ-UBND

Hậu Lộc, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Khu dân cư trung tâm thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng: Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4907/QĐ-UBND ngày 20/11/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc đến năm 2035; Quyết định số 4801/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của UBND huyện Hậu Lộc về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư trung tâm thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc;

Căn cứ Công văn số 424/SXD-QH ngày 18/01/2022 của Sở Xây dựng về việc

ý kiến hồ sơ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư trung tâm thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng tại Báo cáo số 15/BC-KTHT ngày 04/3/2022 về việc thẩm định quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư trung tâm thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư trung tâm thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án, vị trí và quy mô lập quy hoạch:

1.1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư trung tâm thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc.

1.2. Phạm vi, ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch: Vị trí lập quy hoạch thuộc địa giới hành chính thị trấn Hậu Lộc và một phần địa giới hành chính của các xã Mỹ Lộc, Thuần Lộc và Xuân Lộc. Ranh giới cụ thể được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp với Quốc lộ 10;
- Phía Đông giáp với Đường tỉnh 526B và CCN;
- Phía Tây giáp với đất nông nghiệp xã Mỹ Lộc; đường BN1;
- Phía Nam giáp kênh Văn Xuân.

1.3. Quy mô:

- Diện tích lập quy hoạch: Khoảng 102,46 ha.
- Dân số dự kiến: Khoảng 9.075 người, trong đó dân số hiện trạng 700 người, dân số phát triển khoảng 8.375 người.

2. Tính chất, chức năng: Là khu vực trung tâm của đô thị với các chức năng trung tâm văn hóa, thể thao, thương mại dịch vụ với kiến trúc được đầu tư xây dựng hiện đại, đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

3. Quy hoạch sử dụng đất: Căn cứ các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, bố trí tổ chức không gian cụ thể như sau:

Bảng thống kê quy hoạch sử dụng đất

TT	Hang mục sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tầng cao	MĐXD (%)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích khu đất lập quy hoạch		1.024.600,0			100,0
1	Đất ở		295.205,77			28,8
1.1	Đất ở mới		270.708,16			26,4

1.1.1	Đất ở mới - liền kề	LK	246.394,91	3 - 5	80 - 100	24,0
1.1.2	Đất ở mới - biệt thự	BT	24.313,25	2 - 3	60 - 80	2,4
1.2	Đất ở hiện trạng cải tạo, chỉnh trang	OHT	24.497,61	3 - 5	60 - 80	2,4
2	Đất công cộng dịch vụ DVO		21.599,24	3 - 5	30 - 40	2,1
2.1	Nhà văn hóa (khu phố, thôn)	NVH	11.515,62	1 - 2	30 - 40	
2.2	Công trình công cộng	CC	10.083,62	3 - 5	30 - 40	
3	Đất trường học	GD	35.727,19	1 - 5	30 - 40	3,5
3.1	Trường THCS Lê Hữu Lập	GD1-THCS	21.410,00	2 - 5	30 - 40	
3.2	Trường tiểu học	GD2-TH	8.907,99	2 - 5	30 - 40	
3.3	Nhà trẻ, trường mầm non	GD3-MN	5.409,20	1 - 3	30 - 40	
4	Đất cây xanh		134.980,07			13,2
4.1	Đất cây xanh công viên	CXCV	28.062,50	-	-	
4.2	Đất cây xanh công viên đơn vị ở	CXDVO	49.671,77	-	-	
4.3	Đất cây xanh phân lô khu ở	CXPL	27.675,43	-	-	
4.4	Đất cây xanh cách ly	CXCL	25.638,14	-	-	
4.5	Đất mặt nước, cây xanh cảnh quan		3.932,23	-	-	
5	Đất hỗn hợp dịch vụ thương mại	TM-HH	10.704,40	3 - 7	50 - 70	1,0
6	Đất trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện		67.156,77			6,6
6.1	Đất trung tâm Văn hóa huyện	TTVH	22.086,08	1 - 3	30 - 40	
6.2	Đất sân vận động	TD-TT1	19.187,66	1 - 2	5 - 10	
6.3	Đất nhà thi đấu	TD-TT2	25.883,03	1 - 3	20 - 25	
7	Đất thương mại dịch vụ	TMDV	13.817,11	3 - 7	50 - 70	1,3
8	Đất nghĩa trang	NT	23.347,55			2,3
9	Đất trạm xử lý nước thải	HTKT	5.136,24	1- 2	20	0,5
10	Đất giao thông		416.925,66			40,7
10.1	Đất bãi đỗ xe	P	30.810,76			3,0
10.2	Đất giao thông nội khu		223.855,99			21,8
10.3	Đất giao thông đối ngoại		162.258,91			15,8

4. Vị trí, quy mô các khu đặc trưng cần kiểm soát, các nội dung cần thực hiện để kiểm soát và các quy định cần thực hiện

4.1. Xác định vị trí, quy mô các khu đặc trưng cần kiểm soát:

a) Đối với các công trình văn hóa - thể thao: Tổng diện tích 67.156,77m², bao gồm:

- Trung tâm Văn hóa huyện (ký hiệu TTVH): Diện tích 22.086,08m², trong đó:

+ Đất Trung tâm văn hóa: Diện tích 6.867,51 m²;

+ Đất hồ: Diện tích 15.218,57 m².

- Sân vận động (ký hiệu TD-TT1): Diện tích 19.187,66m².

- Nhà thi đấu (ký hiệu TD-TT2): Diện tích 25.883,03m².

b) *Đối với công trình thương mại dịch vụ*: Diện tích 13.817,11m².

c) *Đối với khu nghĩa trang*: Tổng diện tích khoảng 23.347,55m², trong đó:

- Đất nghĩa trang Mỹ Lộc (ký hiệu NT1): Diện tích 11.039,97m²;

- Đất nghĩa trang thị trấn Hậu Lộc (ký hiệu NT2): Diện tích 12.307,58m².

d) *Khu xử lý nước thải*: Diện tích khoảng 5.136,24m².

e) *Khu cây xanh công viên*: Diện tích khoảng 28.062,5m².

4.2. Các nội dung cần kiểm soát và các quy định cần thực hiện:

** Quy định về kiến trúc:*

- Đối với các công trình văn hóa - thể thao xây dựng công trình kiến trúc mang bản sắc, kết hợp hài hòa với cảnh quan thiên nhiên, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình khai thác sử dụng.

- Đối với các công trình công cộng, thương mại dịch vụ xây dựng công trình kiến trúc hiện đại, đáp ứng theo tiêu chuẩn và nhu cầu phục vụ.

- Đối với các khu nghĩa trang cần có cây xanh cách ly đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Đối với khu xử lý nước thải cần có giải pháp công nghệ phù hợp, giảm thiểu về môi trường.

- Đối với các khu công viên cây xanh cần trồng các loại cây đẹp, phù hợp với khí hậu của khu vực tạo không gian, cảnh quan cho khu vực.

** Quy định về chuẩn bị đất đai và sử dụng các cơ sở hạ tầng kỹ thuật:* Tuân thủ các chỉ tiêu về sử dụng đất (mật độ, tầng cao, hệ số sử dụng đất).

** Quy định về vệ sinh môi trường:* Các công trình cần có các khu thu gom rác, khuôn viên cây xanh đảm bảo theo tiêu chuẩn.

** Quy định quản lý xây dựng:* Việc xây dựng công trình phải tuân thủ theo đúng quy hoạch về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, tầng cao nhà, độ đua ra của ban công, ô văng ... được qui định phù hợp với từng đường phố. Trước khi xây dựng phải có đầy đủ hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng (trừ những trường hợp được miễn cấp giấy phép theo luật định) được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

5.1. Tổ chức khung giao thông, các trục cảnh quan chính của khu đô thị:

Tuân thủ các tuyến giao thông chính được xác định trong quy hoạch chung được phê duyệt như đường QL10 (đường Bà Triệu), Đường Phạm Bành, đường dọc kênh Văn Xuân. Tổ chức các tuyến giao thông của khu vực như sau:

- Trục cảnh quan chính theo hướng Bắc Nam là tuyến đường BN6 (đoạn từ QL10 đến đường dọc kênh Văn Xuân).

- Trục cảnh quan chính theo hướng Đông Tây là là tuyến đường ĐT9 (đoạn từ QL10 đến đường 526B) và tuyến đường ĐT10A (đoạn từ QL10 đến đường 526B).

5.2. Tổ chức không gian các khu chức năng:

- Khu trung tâm văn hóa huyện gắn với hồ Sen nằm tại khu vực phía Đông Bắc của khu vực.

- Khu trung tâm thể dục - thể thao (nhà thi đấu, sân vận động) nằm tại khu vực trung tâm gần trục đường chính.

- Các khu dịch thương mại nằm về phía Đông của khu vực bao gồm (Chợ Chiều, các khu thương mại).

- Khoanh vùng khu nghĩa địa của thị trấn và của xã Mỹ Lộc, được bố trí cây xanh cách ly đảm bảo vệ sinh và an toàn đến các khu ở, và bố trí các khu cây xanh công viên.

- Tổ chức các công trình công cộng như nhà văn hóa, trường tiểu học, trường mầm non, bãi đỗ xe, cây xanh nhóm ở...gắn với các nhóm ở.

- Cải tạo khu dân cư hiện hữu làng xóm, nhằm đồng bộ hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật.

- Bố các khu dân cư mới (nhà ở liên kế, nhà ở biệt thự..) theo các nhóm nhà ở đồng: Bố trí nhà ở liên kế dọc các tuyến đường giao thông chính; các nhà ở liên kế bên trong.

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

6.1. Quy hoạch giao thông:

a) Giao thông đô thị:

- Tuyến Quốc lộ 10 (đường Bà Triệu): Chiều dài khoảng 758,41m; mặt cắt ngang 2-2: CGĐĐ 30,0m; lòng đường 8,50m x 2 = 17,0m; phân cách giữa 3,0m; hè 5,0m x 2 = 10,0m.

- Tuyến đường Phạm Bành: Chiều dài khoảng 376,87m; mặt cắt ngang 2-2: CGĐĐ 30,0m; lòng đường 8,50m x 2 = 17,0m; phân cách giữa 3,0m; hè 5,0m x 2 = 10,0m.

- Tuyến đường dọc kênh Văn Xuân: Chiều dài khoảng 275,74m; mặt cắt

ngang 4B-4B: CGDD 30,0m; lòng đường $8,50\text{m} \times 2 = 17,0\text{m}$; phân cách giữa 3,0m; hè $5,0\text{m} \times 2 = 10,0\text{m}$.

b) Giao thông nội bộ:

- Tuyến đường BN6: Chiều dài khoảng 1.183,75m; mặt cắt ngang 1-1: CGDD 34,0m; lòng đường $10,5\text{m} \times 2 = 21,0\text{m}$; phân cách giữa 3,0m; hè $5,0\text{m} \times 2 = 10,0\text{m}$.

- Tuyến đường ĐT9: Chiều dài khoảng 1.388,4m; mặt cắt ngang 2'-2': CGDD 30,0m; lòng đường $10,0\text{m} \times 2 = 20,0\text{m}$; hè $5,0\text{m} \times 2 = 10,0\text{m}$.

- Tuyến đường ĐT10A: Chiều dài khoảng 777,26m; mặt cắt ngang 3-3: CGDD 25,0m; lòng đường $7,5\text{m} \times 2 = 15,0\text{m}$; hè $5,0\text{m} \times 2 = 10,0\text{m}$.

- Tuyến đường BN1: Chiều dài khoảng 564,64m; mặt cắt ngang 4-4: CGDD = 20,5m, lòng đường $5,25\text{m} \times 2 = 10,5\text{m}$, hè $5,0\text{m} \times 2 = 10,0\text{m}$.

- Tuyến đường BN7: Chiều dài khoảng 1.275,85m; mặt cắt ngang 4-4: CGDD = 20,5m, lòng đường $5,25\text{m} \times 2 = 10,5\text{m}$, hè $5,0\text{m} \times 2 = 10,0\text{m}$.

c) Các tuyến đường nội khu:

- Mặt cắt ngang 5-5: CGDD 17,5m; lòng đường $3,75\text{m} \times 2 = 7,5\text{m}$, hè $5,0\text{m} \times 2 = 10,0\text{m}$.

- Mặt cắt ngang 6-6: CGDD 13,5m, lòng đường $3,75\text{m} \times 2 = 7,5\text{m}$, hè $3,0\text{m} \times 2 = 6,0\text{m}$.

- Mặt cắt ngang 7-7: CGDD 15,5m, lòng đường $3,75\text{m} \times 2 = 7,5\text{m}$ hè 3,0m + 5,0m.

- Mặt cắt ngang 8-8: CGDD 10,5m, lòng đường $2,75\text{m} \times 2 = 5,5\text{m}$, hè 3,0m + 2,0m.

- Mặt cắt ngang 9-9: CGDD 7,50m, lòng đường 4,0m, hè 2,5m + 1,0m.

d) Giao thông tĩnh: Bố trí 10 vị trí bãi đỗ xe công cộng với tổng quy mô diện tích khoảng $30.810,76\text{m}^2$ tại các nhóm ở và gần các công trình công cộng.

e) Giao thông công cộng: Sử dụng tuyến xe bus số 11 hiện có.

6.2. Quy hoạch san nền, thoát nước mưa:

a) Quy hoạch san nền:

- Tuân thủ theo các cao độ khống chế của các trục đường, độ dốc, hướng dốc của khu vực, kết hợp với việc xem xét các cao độ hiện trạng các tuyến đường để đảm bảo việc tôn nền đảm bảo tiêu thoát nước và không gây ảnh hưởng tới khu vực hiện trạng dân cư đang ổn định.

- Cao độ thiết kế san nền trung bình toàn khu vực là 3,0m (từ 2,5m đến 3,6m).

Dốc dẫn từ Bắc (đường Bà Triệu) xuống Nam (kênh Văn xuân). Thiết kế san nền theo phương pháp đường đồng mức thiết kế với độ chênh lệch cao giữa hai đường đồng mức $\Delta h = 0.10\text{m}$ bảo đảm cho mái dốc của nền có độ dốc $i \geq 0,003$.

b) Quy hoạch thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn, tự chảy thu gom toàn bộ nước mặt của khu vực quy hoạch. Nước mưa được thu gom bằng các giếng thu vào hệ thống cống BTCT nằm dọc theo các tuyến đường giao thông, sau đó đưa về công hộp (BxH = 2000x2000mm) và thoát ra kênh Văn Xuân và đổ ra cống Nguyễn (3 cửa) qua cửa xả thoát nước ra sông Tào.

- Mạng lưới mương thoát được bố trí phân tán để giảm kích thước đường mương. Độ dốc dọc mương lấy tối thiểu là $1/D$ và độ sâu đáy rãnh ban đầu $H = 0,7\text{m}$. Giếng thu có khoảng cách 30-35m/1giếng.

6.3. Quy hoạch cấp điện:

- Nhu cầu dùng điện của khu vực khoảng 8.549 (KVA).

- Nguồn điện: Lấy nguồn từ đường dây trung áp 10(22) kV thuộc lộ 972 sau trạm trung gian Hậu Lộc. Thời gian tới khi trạm 110kV Hậu Lộc 2 xây dựng xong sẽ được đấu nối chuyển nguồn sang trạm 110kV Hậu Lộc 2.

- Trạm biến áp: Tổng công suất lắp đặt khoảng 9.150 (KVA).

- Lưới điện trung áp: Giải pháp mạng lưới được chọn là mạng hình tia kết hợp mạng vòng đối với điện trung áp. Cải dịch các đoạn tuyến đường dây trung áp cắt qua các lô đất trong giới hạn quy hoạch lên vỉa hè, sử dụng dây dẫn bọc cách điện treo trên cột BTLT đảm bảo hành lang an toàn lưới điện, phù hợp với quy hoạch chung đã được phê duyệt. Xây dựng mới các tuyến cáp ngầm 22kV đảm bảo hành lang an toàn lưới điện và mỹ quan đô thị để cấp điện tới các trạm biến áp có trong giới hạn lập quy hoạch.

- Lưới điện hạ áp 0,4 KV:

+ Điện sinh hoạt được lấy từ tủ hạ áp tại trạm biến áp xây mới. Cáp từ tủ điện hạ thế rồi được luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực chôn trực tiếp trong đất đến từng tủ điện phân phối đặt trên vỉa hè, phần giáp ranh giữ các lô đất.

+ Hệ thống cấp điện sinh hoạt sử dụng hệ thống cáp ngầm, bán kính cấp điện đối với lưới điện hạ áp khoảng 250m.

- Mạng lưới điện chiếu sáng được bố trí dọc theo các tuyến đường giao thông; cột đèn bằng cột thép bát giác đặt trên vỉa hè hoặc giải bonval. Khoảng cách giữa các cột trung bình 30 - 35m/cột, đảm bảo độ chói trung bình đạt 0,8 - 1 Cd/m². Độ rọi ngang trung bình $E_n(tb)$ đạt từ 5 - 10 (lx).

6.4. Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động:

- Đầu tư xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông thụ động khu vực có công nghệ hiện đại, tiến tiến đồng bộ. Mạng cáp được xây dựng ngầm hóa toàn bộ các tuyến cáp dọc các tuyến đường chính, đường nội bộ trong khu vực đảm bảo an toàn thông tin và mỹ quan đô thị.

- Trạm viễn thông (BTS): Cải tạo nâng cấp 01 trạm và xây dựng mới 03 trạm với diện tích xây dựng khoảng 80m²/trạm. Vị trí trạm được bố trí trên phần đất cây xanh tại trung tâm của các cụm dân cư.

6.5. Quy hoạch cấp nước:

- Nhu cầu dùng nước sinh hoạt trung bình: 3.200 m³/ngđ
- Nguồn nước cấp cho khu vực: Từ nhà máy nước thị trấn Hậu Lộc.
- Mạng lưới đường ống cấp nước là mạng cụt kết hợp mạng vòng cấp nước cho nhu cầu sinh hoạt, cứu hoả và mọi nhu cầu khác.

6.6. Quy hoạch thoát nước thải:

- Lưu lượng thoát nước thải khoảng 2.000 m³/ngđ. Bố trí trạm xử lý nước thải với công suất 2.000 m³/ngđ.

- Hệ thống thoát nước thải được thiết kế là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn giữa nước thải và nước mưa. Nước thải sau khi xử lý cục bộ bên trong công trình được thoát vào các tuyến cống thoát nước thải dự kiến xây dựng dọc theo các tuyến đường quy hoạch rồi tập trung về trạm xử lý nước thải khu vực nằm phía Nam của dự án. Nước thải sau khi xử lý đạt cột B của QCVN 28:2008/ BTNMT được xả ra ngoài môi trường (nước thải sau xử lý dẫn vào kênh Văn Xuân).

6.7. Xử lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Rác thải: Tiêu chuẩn thải chất thải rắn: 0,3 kg/người/ngày. Chỉ tiêu thu gom khoảng 100%. Tổng khối lượng rác thải khoảng 10,8tấn/ngđ. Rác thải được thu gom, chuyển về khu vực xử lý theo quy hoạch.

- Nghĩa trang: Khoanh vùng các nghĩa trang hiện tại của khu vực, tạo cây xanh cách ly đến các khu chức năng và khu dân cư đảm bảo mỹ quan và vệ sinh môi trường. Sau năm 2025 sẽ dần đóng cửa và chuyển về khu nghĩa trang tập trung của huyện theo đúng quy hoạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giao phòng Kinh tế - Hạ tầng phối hợp với Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa có trách nhiệm:

- Hoàn chỉnh hồ sơ theo nội dung phê duyệt, đóng dấu cơ quan thẩm định và cơ quan thỏa thuận, lưu trữ hồ sơ theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với phòng Tài nguyên - Môi trường, Viện Quy hoạch –

Kiến trúc Thanh Hóa và UBND các xã: Xuân Lộc, Mỹ Lộc, Thuần Lộc và thị trấn Hậu Lộc tổ chức công bố công khai quy hoạch để các tổ chức, cá nhân và nhân dân được biết, tham gia kiểm tra và giám sát thực hiện quy hoạch.

- Kiểm tra, giám sát và hướng dẫn việc thực hiện Quy hoạch theo đúng quy định của pháp luật.

2. Các ngành chức năng và các đơn vị liên quan theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm tham gia quản lý và hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế - Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên - Môi trường; Chủ tịch UBND các xã: thị trấn Hậu Lộc, Xuân Lộc, Mỹ Lộc, Thuần Lộc và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Lưu: VT, KTHT (Huy).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Hoàng